

Số: 338/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 15 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 116/2024/TLST/HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024, giữa:

*Nguyên đơn:* Anh Trần Viết Đ, sinh năm 1995.

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Số A N, phường H2, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

*Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 2002.

Nơi thường trú: Số A N, phường H2, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ở hiện tại: Số A kiệt I N, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Viết Đ và chị Nguyễn Thị H1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Trần Viết Đ và chị Nguyễn Thị H1 xác nhận có 01 con chung tên: Trần Nguyễn An N, sinh ngày 03/12/2020. Hiện nay, cháu N đang ở với anh Đ.

Giao cháu N cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; chị H1 cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng/tháng) kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến

khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Viết Đ và chị Nguyễn Thị H1 xác nhận xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Án phí ly hôn sơ thẩm: Là 150.000 đồng. Anh Trần Viết Đ và chị Nguyễn Thị H1 thỏa thuận anh Đ chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Là 150.000 đồng. Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần Viết Đ và chị Nguyễn Thị H1 thỏa thuận anh Đ chịu toàn bộ án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng.

Tổng án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con anh Trần Viết Đ phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng anh Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003195 ngày 28/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Anh Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND P. H2, thành phố H;
- (ĐKKH số 62 ngày 03/8/2020)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Đình Tú**